

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~103~~ /VNFF-BĐH

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018

V/v báo cáo sơ kết 6 tháng năm 2018



Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh, thành phố

Để tổng hợp số liệu phục vụ báo cáo cho Đoàn giám sát Quốc hội; Sơ kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị định 05/200/8/NĐ-CP, ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và sơ kết thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2018 thực hiện nhiệm vụ triển khai vận hành Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng gắn với thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam đề nghị Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh khẩn trương tổng hợp số liệu xây dựng báo cáo theo đề cương, phụ biểu đính kèm (*Phụ biểu đã được đăng tải lên website: vnff.vn*).

Báo cáo đề nghị gửi về địa chỉ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, nhà B3, Số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 30/7/2018. Bằng file mềm (doc hoặc docx) địa chỉ: buinguyenphuky@gmail.com; diemhang62@gmail.com.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam đề nghị Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT. Nguyễn Quốc Trị (để báo cáo);
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, BĐH.



Lê Văn Thanh

Phụ lục 01

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo công văn số 103/VNFF-BĐH ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam)

PHẦN I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Chỉ đạo vận hành Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và hệ thống chi trả dịch vụ môi trường rừng (Thuận lợi, khó khăn và đánh giá chung).

2. Kết quả giải ngân góp phần thực hiện nhiệm vụ

- Năm 2017;

- Tình hình tạm ứng năm 2018.

3. Kết quả tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo điều hành

4. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát

5. Kết quả triển khai thí điểm chi trả qua tài khoản ngân hàng

- Thuận lợi;

- Khó khăn;

- Đánh giá chung.

(Nêu rõ phương thức thí điểm, ngân hàng lựa chọn thí điểm, đối tượng, địa điểm thí điểm).

6. Kết quả cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu chi trả dịch vụ môi trường rừng vào hệ thống

7. Kết quả tuyên truyền phổ biến chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

8. Kết quả ký hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng

9. Đánh giá hiệu quả của chính sách (cập nhật số liệu, phân tích, so sánh với cùng kỳ năm trước):

- Tác động đến công tác bảo vệ và phát triển rừng;

- Tình hình vi phạm Luật (cập nhật, phân tích so sánh số vụ và diện tích bị thiệt hại năm nay so với năm trước; số vụ vi phạm và diện tích bị thiệt hại thuộc diện tích được hưởng tiền DVMTR)

- Cải thiện sinh kế của người làm nghề rừng (cập nhật số hộ gia đình, cá nhân là chủ rừng được nhận tiền DVMTR, chi tiết số hộ là đồng bào; số hộ gia đình, cá nhân nhận tiền DVMTR thông qua nhận khoán BVR, chi tiết số hộ là đồng bào; số tiền DVMTR các hộ gia đình, cá nhân nhận được trong năm)

- Hỗ trợ kinh phí cho chủ rừng là tổ chức (cập nhật số lượng, diện tích, số tiền DVMTR các chủ rừng nhận được, chi tiết: Công ty lâm nghiệp; Ban quản lý rừng phòng hộ; Ban quản lý rừng đặc dụng...)

- Phân tích các đóng góp khác.

10. Tình hình xây dựng, triển khai phương án tự chủ của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP

11. Kết quả huy động các nguồn thu (từ DVMTR, trồng rừng thay thế... bao gồm số phải thu, số đã thu, số còn phải thu, chi tiết theo nguồn, đối tượng và cấp thu).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CẦN THÁO GỖ

1. Tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện
2. Hạn chế các quy định, hướng dẫn thực hiện chính sách
3. Khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ

PHẦN II. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND tỉnh, thành phố
2. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3. Đối với các Bộ, ngành khác

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Thủ tướng Chính phủ
2. Đối với Chính phủ.

Biểu 01: Giải ngân tiền DVMTR cho chủ rừng tổ chức và tổ chức không phải chủ rừng

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

TT	Chủ rừng là tổ chức và tổ chức không phải chủ rừng	Diện tích được hưởng tiền DVMTR (ha)			Thanh toán năm 2017 (ngàn đồng)	2018 (ngàn đồng)	
		Tổng	tự quản lý bảo vệ	khoán quản lý bảo vệ		Kế hoạch được nhận tiền DVMTR	Đã tạm ứng đến 20/7/2018
I	Chủ rừng là BQL rừng phòng hộ						
1							
2							
3							
...							
	Tổng	0	0	0	0		
II	Chủ rừng là BQL rừng Đặc dụng (VQG, KBT)						
1		0					
2		0					
3		0					
...		0	0	0	0		
III	Chủ rừng Công ty lâm nghiệp						
1							
2							
3							
...							
	Tổng	0	0	0	0		
IV	UBND Xã						
1							
2							
3							
...							
	Tổng	0	0	0	0		
V	Chủ rừng tổ chức khác						
1							

TT	Chủ rừng là tổ chức và tổ chức không phải chủ rừng	Diện tích được hưởng tiền DVMTR (ha)			Thanh toán năm 2017 (ngàn đồng)	2018 (ngàn đồng)	
		Tổng	tự quản lý bảo vệ	khoản quản lý bảo vệ		Kế hoạch được nhận tiền DVMTR	Đã tạm ứng đến 20/7/2018
2							
3							
...							
	Tổng	0	0	0	0		

Ghi chú: - Chủ rừng khác là: Doanh nghiệp, đơn vị công an, quân đội, đơn vị nghiên cứu...

- Thống kê danh sách tên từng chủ rừng là tổ chức và tổ chức không phải chủ rừng

Phụ biểu 02: Tình hình giải ngân tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, thôn, nhóm hộ

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 /7/2018
của Ủy Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

TT	Chủ rừng	Số lượng	Diện tích (ha)	Số tiền (ngàn đồng)		
				Thanh toán năm 2017	Kế hoạch 2018	Tạm ứng đến 20/7/2018
I	Được giao rừng (có sổ)		0	0	0	0
1	Hộ gia đình, cá nhân					
2	Cộng đồng					
3	Thôn, bản					
4	Nhóm hộ					
II	Hợp đồng khoán QLBV		0	0	0	0
1	Hộ gia đình, cá nhân					
2	Cộng đồng					
3	Thôn, bản					
4	Nhóm hộ					

Phụ biểu 03: Tổng hợp các hoạt động tuyên truyền và kiểm tra giám sát năm 2018

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 /7/2018
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

STT	Tỉnh	Đào tạo, tập huấn		Hội nghị, hội thảo		Kiểm tra, giám sát	
		Số lượng (khóa)	Số lượt người tham dự	Số lượng (cuộc)	Số lượt người tham dự	Quỹ tỉnh (Đoàn)	Liên ngành, HĐND (đoàn)
A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng							

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

[illegible]

(Đính kèm công văn số: 103/VNFF-BĐH, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

(Đính kèm công văn số: 103/VNFF-BĐH, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

[illegible]

Biểu 06: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU CHI TIỀN DVMTR CỦA NĂM 2017

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

[illegible]

Phụ biểu 07: Tình hình thu nộp tiền trồng rừng thay thế

(Đính kèm công văn số: **103** /VNFF-BĐH, ngày **20** /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

STT	Tên Dự án chuyển đổi	Tổng diện tích rừng chuyển đổi lũy kế đến thời điểm báo cáo (ha)	Trong đó		Tình hình thu (nghìn đồng)				
			Diện tích chuyển đổi từ năm 2013-2017	Diện tích chuyển đổi từ đầu 2018 đến thời điểm báo cáo	Tổng số tiền phải nộp lũy kế đến thời điểm báo cáo	Tổng Số tiền đã thu đến thời điểm báo cáo	Trong đó		Số tiền còn phải thu
							Số tiền đã thu từ 2013-2017	Số tiền mới thu từ đầu 2018 đến thời điểm báo cáo	
1	Công trình thủy điện								
2	Công trình mục đích công cộng								
3	Công trình mục đích kinh doanh								

Phụ biểu 08: Tình hình giải ngân trồng rừng thay thế

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

[illegible]

Phụ biểu 09: Hình thức giải ngân tiền DVMTR năm 2017 cho chủ rừng từ Quỹ tỉnh

(Đính kèm công văn số: **103** /VNFF-BĐH, ngày **20** /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

Tỉnh:

TT	Loại chủ rừng	Giải ngân qua chuyển khoản ngân hàng (ngàn đồng)			Giải ngân bằng tiền mặt (ngàn đồng)		
		Số lượng chủ rừng	Số tiền	Tỷ lệ tiền CK	Số lượng chủ rừng	Số tiền	Tỷ lệ trả tiền mặt
I	Chủ rừng là tổ chức và tổ chức không phải chủ rừng						
1	BQL rừng phòng hộ						
2	BQL rừng Đặc dụng						
3	Công ty Lâm nghiệp						
4	UBND Xã						
5	Chủ rừng tổ chức khác						
II	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn						
1	Cá nhân, hộ gia đình						
2	Cộng đồng dân cư thôn						

Phụ biểu 10: Đơn giá chi trả tiền DVMTR theo các mức

(Đính kèm công văn số: **103** /VNFF-BĐH, ngày **20** /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

Tỉnh:

TT	Đơn giá chi trả DVMTR (đồng/ha)	Diện tích (ha)	
		2017	KH 2018
1	Dưới 50.000		
2	50.000 - 100.000		
3	100.000 - 150.000		
4	150.000-200.000		
5	200.000-300.000		
6	300.000-500.000		
7	Trên 500.000		

Phụ biểu 11: Tình hình thu tiền DVMTR năm 2018 của Quỹ tỉnh

(Đính kèm công văn số: **103** /VNFF-BĐH, ngày **20** /7/2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

STT	Đơn vị sử dụng DVMTR	Kế hoạch thu (nghìn đồng)			Số đã thu đến 20/7/2018 (nghìn đồng)		
		Tổng thu theo kế hoạch được duyệt	Trung ương điều phối	Thu nội tỉnh	Tổng	Trung ương điều phối	Thu nội tỉnh
I	Thủy điện						
1							
2							
3							
...							
II	Nước sạch						
1							
2							
3							
...							
III	Du lịch						
1							
2							
3							
...							
IV	Thu khác						
1							
2							
3							
...							

Phụ lục 12: TỔNG HỢP THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR
 ((Đính kèm công văn số: **103** /VNFF-BĐH, ngày **20** tháng **7** năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

I. Thông tin chung

Kỳ báo cáo: Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....; Người tổng hợp thông tin:.....

Phòng ban, bộ phận:.....; Địa chỉ email:.....; Số điện thoại liên hệ:.....

1. Tổng số hộ gia đình được nhận tiền
2. Thu nhập bình quân đầu người:.....(ngàn đồng)
3. Tổng số hộ gia đình được nhận tiền DVMTR là người dân tộc thiểu số
4. Tổng số cộng đồng, được nhận tiền DVMTR:.....(CĐ)

II. Thông tin thu thập tại các hộ gia đình được lựa chọn

TT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ	Số nhân khẩu trong gia đình		Tổng diện tích rừng (ha)	Diện tích được hưởng tiền DVMTR (ha)			Thu nhập trong năm (ngàn đồng)		Thay đổi diện tích rừng trong năm (nếu có)			Sử dụng tiền nhận được từ chi trả DVMTR
					Tổng	Trong tuổi lao động		Tổng	Chú rừng	Nhận khoán	Tổng thu nhập	Thu từ DVMTR	Diện tích tăng	Diện tích giảm	Nguyên nhân	
A	B	C	E	G	1	2	3	(4=5+6)	5	6	7	8	9	10	11	12
1																
2																
3																
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Tổng															

Ghi chú:

Cập nhật thông tin các hộ gia đình đã được lựa chọn cố định theo nội dung Công văn số 129/VNFF-BĐH ngày 31.10.2017 của VNFF (đề nghị gửi kèm file Excel). Tổng số hộ gia đình được nhận tiền DVMTR là người dân tộc thiểu số

- Lựa chọn 45 hộ gia đình tại 08 tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Nghệ An, Thừa Thiên Huế;

Phụ lục 13: TỔNG HỢP THÔNG TIN CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR
(Đính kèm công văn số: *103 /VNFF-BĐH*, ngày *20* tháng *7* năm 2018 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

I. Thông tin chung

Kỳ báo cáo: Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....; Người tổng hợp thông tin:.....

Phòng ban, bộ phận:.....; Địa chỉ email:.....; Số điện thoại liên hệ:.....

Địa chỉ email:.....; Số điện thoại liên hệ:.....

1. Tổng số chủ rừng là tổ chức:.....(đơn vị)

3. Tổng diện tích rừng của các tổ chức:.....(ha)

II. Tổng hợp thông tin thu thập tại các đơn vị được lựa chọn

[illegible]

Ghi chú:

-- Cập nhật thông tin 03 đơn vị đã được chọn cố định theo nội dung Công văn số 129/VNFF-BĐH ngày 31.10.2017 của VNFF (đề nghị gửi kèm file Excel).

Phụ biểu 14. Hiệu quả về chi trả dịch vụ môi trường rừng của tiền DVMTR năm 2017

(Đính kèm công văn số: 103 /VNFF-BĐH, ngày 20 tháng 7 năm 2018

của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ số/kết quả (số lượng, khối lượng, giá trị, tỷ lệ)	Ghi chú
1	Số công trình phúc lợi được xây mới	Công trình		
1.1	Công trình hỗ trợ chương trình Nông thôn mới	Công trình		
2	Tổng số tiền DVMTR cho công trình phúc lợi	1.000 đồng		
2.1	Tiền chi cho các công trình hỗ trợ Nông thôn mới	1.000 đồng		
3	Số người tham gia bảo vệ rừng	Người		
4	Số tiền DVMTR bình quân trên một hộ gia đình	1.000 đ/hộ		